

BÁO CÁO NHANH
Tình hình sản xuất nông nghiệp
(Đến ngày 15 tháng 10 năm 2024)

1. Kết quả sản xuất chủ yếu
a) Sản xuất lúa

STT	Địa phương	Vụ Hè Thu 2024			Vụ Thu Đông 2024		
		Diện tích gieo sạ (ha)	Thu hoạch		Diện tích gieo sạ (ha)	Thu hoạch	
			DT (ha)	NS (tấn/ha)		DT (ha)	NS (tấn/ha)
01	Giang Thành	29.120	29.120	5,75	13.960	13.960	5,75
02	Kiên Lương	21.500	21.220	6,04			
03	Hòn Đất	79.050	78.385	5,90	5.614	3.584	5,10
04	Tp.Rạch Giá	5.394	5.318	5,36	1.420	1.170	5,00
05	Châu Thành	18.955	18.473	5,80	8.018	3.794	4,90
06	Tân Hiệp	36.598	36.598	5,90	34.491	27.984	6,00
07	Giồng Riềng	46.763	46.763	5,90	31.603	27.680	5,50
08	Gò Quao	25.208	25.208	6,28	478		
09	An Biên	5.199	5.199	6,00			
10	Vĩnh Thuận		3.164	5,75			
11	UM.Thượng	3.164	6.343	5,85			
Tổng cộng		277.294	275.791	5,91	95.584	78.650	5,67

b) Sản xuất vụ nuôi tôm nước lợ

STT	Địa phương	Kế hoạch (ha)	Diện tích (ha)				Sản lượng thu hoạch (tấn)	
			Tổng số	Trong đó				
				Tôm CN	Tôm lúa	Tôm QCCT		
01	Tp. Hà Tiên	2.460	2.618	690		1.928	5.765	
02	Kiên Lương	8.300	8.085	2.815	920	4.350	30.088	
03	Giang Thành	3.400	3.335	345		2.990	5.674	
04	Hòn Đất	4.150	4.450	750	2.300	1.400	5.592	
05	An Biên	25.940	25.764	21	22.002	3.741	14.009	
06	An Minh	47.850	47.824	25	39.070	8.729	26.721	
07	Vĩnh Thuận	30.400	30.465		30.465		22.015	
08	UM.Thượng	9.300	9.453		9.453		5.022	
09	Gò Quao	4.200	4.665		2.720	1.945	3.603	
Tổng cộng		136.000	136.659	4.646	106.930	25.083	118.489	
			<i>Đạt KH (%)</i>	<i>100,48</i>	<i>100,56</i>	<i>100,12</i>	<i>102,05</i>	<i>91,15</i>
			<i>Cùng kỳ (%)</i>	<i>101,11</i>	<i>127,39</i>	<i>100,59</i>	<i>99,51</i>	<i>102,18</i>

2. Tình hình chung

- **Vụ Hè Thu năm 2024:** Diện tích gieo trồng đạt **277.294,72 ha/276.000 ha**, đạt 100,47% kế hoạch và đạt 99,68% so cùng kỳ. Đã thu hoạch 275.791 ha, đạt 99,46% diện tích gieo trồng và đạt 99,14% so cùng kỳ, năng suất bình quân ước đạt 5,91 tấn/ha, sản lượng ước đạt 1.630.360 tấn, đạt 105,52% kế hoạch.

- **Vụ Thu Đông 2024:** Diện tích gieo trồng đạt **95.584 ha/74.000 ha**, đạt 129,17% kế hoạch và đạt 112,63% so cùng kỳ. Thu hoạch 78.650 ha, đạt 82,28% diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 5,67 tấn/ha, sản lượng ước đạt 445.858 tấn.

- **Vụ Mùa 2024-2025:** Đã gieo trồng được 74.092 ha. Tập trung ở các huyện, thành phố Hà Tiên 151 ha, Giang Thành 460 ha, An Biên 21.258,9 ha, An Minh 27.908 ha, Vĩnh Thuận 16.243 ha và U Minh Thượng 8.072 ha, chủ yếu ở giai đoạn mạ.

- **Vụ nuôi tôm nước lợ năm:** Diện tích thả nuôi đạt **136.659 ha/136.000 ha**, đạt 100,48% kế hoạch và đạt 101,11% so cùng kỳ. Trong đó, diện tích nuôi tôm công nghiệp 4.646 ha, đạt 100,56% kế hoạch và đạt 127,39% so cùng kỳ; nuôi tôm - lúa 106.930 ha, đạt 100,12% kế hoạch và đạt 100,59% so cùng kỳ; nuôi tôm quảng canh cải tiến 25.083 ha, đạt 102,05% kế hoạch và đạt 99,51% so cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch đến nay ước đạt **118.489 tấn**, đạt 91,15% kế hoạch và đạt 102,18% so cùng kỳ.

3. Tình hình sinh vật gây hại trên lúa: Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh trên lúa Hè Thu, Thu Đông 2024 và Mùa 2024-2025 là 841 ha (giảm 445 ha so với tuần trước). Trong đó, diện tích nhiễm trên lúa Hè Thu là 190 ha, Thu Đông là 466 ha và Mùa là 185 ha. Các đối tượng dịch hại bao gồm: Lem lép hạt diện tích nhiễm trên lúa Hè Thu và Thu Đông là 349 ha (giảm 280 ha so với tuần trước). Trong đó, trên lúa Hè Thu là 98 ha, trên lúa Thu Đông là 251 ha; cháy bìa lá diện tích nhiễm trên lúa Hè Thu và Thu Đông là 261 ha (giảm 164 ha so với tuần trước). Trong đó, trên lúa Hè Thu là 67 ha, lúa Thu Đông là 194 ha. Ngoài ra, các đối tượng gây hại khác như: đạo ôn lá, bù lạch, đạo ôn cổ bông, sâu cuốn lá, OBV, rầy nâu, chuột, rầy phấn trắng, vàng lá chín sớm,... xuất hiện và gây hại ở mức nhẹ.

4. Thông tin thị trường

- | | |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| - Lúa IR 50404 (tươi): 6.800 - 7.000đ | - Heo hơi: 62.000 - 64.000đ |
| - Lúa OM 18 (tươi): 7.000 - 8.000đ | - Tôm sú (30c/kg): 160.000 - 170.000đ |
| - Lúa OM 5451 (tươi): 7.200 - 7.300đ | - Tôm thẻ (100c/kg): 85.000 - 93.000đ |
| - Lúa DT 8 (tươi): 8.100 - 8.200đ | - Cá bớp: 170.000 - 175.000đ. |
| - Gạo thường: 15.000 - 16.000đ | - Urê: 10.200 - 10.500đ |
| - Gạo CLC: 17.000 - 19.000đ | - NPK (20-20-15): 17.200đ |
| - NPK (16-16-8): 13.000đ | - KCL: 10.400đ; - DAP: 22.000đ |

Trên đây là báo cáo nhanh tình hình sản xuất nông nghiệp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang. /

Nơi nhận:

- Cục trồng trọt (I+II), Vụ nuôi trồng TS;
- TT chuyên đổi số & Thống kê NN (Bộ NNPTNT);
- VP.TU, VP.UBND tỉnh;
- Cục Thống kê, Sở KH-ĐT, Sở Công Thương;
- BGĐ Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Phòng NN & PTNT/Kinh tế các huyện, Tp;
- Website Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, KH-TC, hngoc.



Trương Thanh Hào